

Bản án số: 169/2026/HS-ST
Ngày: 03/9/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Cười;

2. Ông Đoàn Minh Thắng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc P (TÊN GỌI KHÁC: Bum). Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2003, tại thành phố Hồ Chí Minh. CCCD: 082203004779.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện tại: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bị cáo là con của bà Phạm Thị Thúy K, bị cáo không có cha; Vợ, con: Chưa có; bị cáo là con một trong gia đình; tiền án: 00; tiền sự: 00. Bị cáo không có bị tạm giam, tạm giữ trong vụ án này, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Nguyễn Văn P1, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố D, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

* **Người làm chứng:**

+ Nguyễn Quốc T, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C (nay là ấp V), xã V, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lê Trường T1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lưu Toàn T2, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố L (nay là khu phố L), phường B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 22/7/2021, bị cáo Phạm Ngọc P cùng với Nguyễn Quốc T (bị cáo P ngồi phía sau xe do Nguyễn Quốc T chở) đi ngang qua Cơ sở kinh doanh massage đang xây dựng của ông Nguyễn Văn P1, bị cáo P kêu T quay lại dừng trước Cơ sở kinh doanh massage, bị cáo P xuống xe và đột nhập vào bên trong cơ sở thấy ông P1 đang nằm ngủ trên giường, bị cáo P lén lút lấy 01 điện thoại di

động Iphone 6 và 1.000.000 đồng bỏ vào túi của bị cáo P, bị cáo P đưa tiền và điện thoại cho T giữ, T kêu bị cáo P lấy trộm luôn chiếc xe Honda, loại xe Airblade, biển kiểm soát 69N1-225.55, trên xe còn cắm chìa khóa của ông P1 trong nhà, bị cáo P quay lại và dẫn xe mô tô trên ra ngoài. Bị cáo P điều khiển xe mô tô vừa trộm được, còn T điều khiển xe của T chạy về hướng bến xe huyện G, tỉnh Tiền Giang cũ, sau đó bị cáo P và T đem xe vừa trộm được đến nhà của anh Lê Văn T3 gửi. Vài ngày sau, T và bị cáo P liên hệ với Lưu Toàn T2 để bán xe mô tô trộm được nêu trên với giá 4.000.000 đồng, T2 đưa cho bị cáo P số tiền 3.800.000 đồng, bị cáo P đưa cho T giữ, khi nào P đưa giấy tờ xe thì T2 mới đưa thêm 200.000 đồng. Lúc này, T2 không biết xe mô tô mà T2 mua do trộm cắp mà có nên T2 điều khiển xe về nhà thì biển số 69N1-225.55 của xe bị gãy rớt mất nên Trọng gắn biển số 63B7-015.94 để sử dụng, trên đường đi, bị công an xã L, thị xã G, tỉnh T cũ chặn dừng kiểm tra, sợ bị phạt tiền do trong thời gian giãn cách xã hội dịch Covid – 19 nên T2 bỏ xe lại và bỏ trốn. Ngày 13/8/2021, ông Nguyễn Văn P1 có đơn tố cáo và trình báo công an phường D, thị xã G giải quyết.

Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự – Ủy ban nhân dân thị xã G, kết luận như sau: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, biển kiểm soát 69N1-225.55 (xe Airblade thái) trị giá 30.000.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 trị giá 1.800.000 đồng.

* Vật chứng còn đang thu giữ của vụ án: Không có.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn P1 không yêu cầu.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKSDTP-KV ngày 18/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng theo nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đúng tội không oan, sai.

Người làm chứng anh Lưu Toàn T2 trình bày: Anh T2 có mua xe mô tô Airblade, biển kiểm soát 69N1-225.55 từ T, bị cáo P, anh không biết xe này do phạm tội mà có, chỉ biết là xe của cậu T, mua giá 4.000.000 đồng, trả trước 3.800.000 đồng, khi T giao cả vệt xe sẽ trả thêm 200.000 đồng, khi anh chạy xe về thì đi dọc đường bị rớt mất biển số xe, anh có lượm được biển số xe số 63B7-015.94 để gắn vô chạy đỡ, nhưng sau đó anh lấy xe đi ngoài đường thì bị công an chặn lại, sợ bị phạt tiền do trong thời gian giãn cách xã hội dịch Covid – 19 nên T2 bỏ xe lại và bỏ trốn.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm như cáo trạng, truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản đã nêu trên, đồng thời đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc P từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Bị hại P1 có đơn xin vắng mặt, người làm chứng T, T1 vắng mặt. Tuy nhiên, ông P1, anh T, anh T1 đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 23/7/2021, bị cáo Phạm Ngọc P lén lút vào Cơ sở kinh doanh Massage đang xây dựng của ông Nguyễn Văn P1, tọa lạc khu phố D, phường G, tỉnh Đồng Tháp lấy trộm một xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển kiểm soát số 69N1-225.55 có giá trị 30.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6, có giá trị 1.800.000 đồng và số tiền 1.00.000 đồng, tổng cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 32.800.000 đồng. Do đó, bị cáo Phạm Ngọc P phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo thực hiện hành vi trộm xe, điện thoại và tiền, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản cá nhân của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự chung. Do vậy, Viện kiểm sát khu vực 2 – Đồng Tháp đã truy tố bị cáo về tội danh “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét quyết

định mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 23/7/2021 thì bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo P trong lần phạm tội này là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo P.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Không có.

[5] Về vật chứng: Không có.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh được Nguyễn Quốc T đồng phạm với bị cáo P nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xử lý T là phù hợp.

Quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh được Lưu Toàn T2 mua xe từ Nguyễn Quốc T là do bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xử lý P là phù hợp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về hình phạt*:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí tòa án, bị cáo Phạm Ngọc P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án*: Căn cứ Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ sở cai nghiện số 2, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã, phường (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Bộ phận THAHS;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kiều Oanh

